

HỘI HOÁ HỌC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM ỨNG DỤNG, DỊCH VỤ
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



HỒ SƠ NĂNG LỰC

Đà Nẵng, tháng 4 năm 2022

1 Giới thiệu chung

Trung tâm Ứng dụng, Dịch vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường là tổ chức Khoa học công nghệ trực thuộc Hội Hoá học thành phố Đà Nẵng được thành lập theo Quyết định số 08/QĐ-HHĐN ngày 28 tháng 01 năm 2021.

- Tên tiếng Việt: **Trung tâm Ứng dụng, Dịch vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường**

- Tên tiếng Anh: Center for Application and Services of Science, Technology and Environment

- Viết tắt: CASTE.

- Trụ sở chính: 96 Nguyễn Thái Bình, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Khu kỹ thuật: 179 Chơn Tâm 4, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

2 Tư cách pháp nhân

- Quyết định số 08/QĐ-HHĐN ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chủ tịch Hội hoá học thành phố Đà Nẵng về việc thành lập Trung tâm Ứng dụng, Dịch vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường;

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số 02/2022, ngày 15 tháng 4 năm 2022.

3 Chức năng, nhiệm vụ

a) Thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực Hóa học, Môi trường, Sinh học:

- Sản xuất, chế biến, thu hoạch, bảo quản các sản phẩm hóa học, thực phẩm, dược phẩm;

- Quản lý và xử lý các loại chất thải, phục hồi và tái tạo môi trường; quan trắc, kiểm soát và xử lý môi trường;

- Công nghệ gen, vi sinh vật, nhân giống cây trồng và vật nuôi trong nông nghiệp.

b) Cung cấp các dịch vụ khoa học công nghệ trong các lĩnh vực Hóa học, Môi trường, Sinh học:

- Phân tích, xác định chỉ tiêu, thông số hóa học;

- Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, kiểm tra đánh giá phương tiện đo, hệ thống đo, báo cáo kiểm tra đánh giá độ chính xác tương đối của hệ thống các trạm quan trắc môi trường (RA TEST);

- Thử nghiệm đánh giá chất lượng vệ sinh, an toàn các sản phẩm hàng hóa, khảo sát, quan trắc, thử nghiệm, đánh giá tác động và thực trạng môi trường;

- Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng, chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn, dịch vụ giám định số lượng, chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

- Tư vấn dự án đầu tư tăng cường trang thiết bị, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá

hồ sơ dự thầu, giám sát lắp đặt hệ thống thiết bị khoa học công nghệ, y tế, quan trắc môi trường, hệ thống xử lý chất thải;

- Tư vấn dự án đầu tư tăng cường trang thiết bị, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, giám sát lắp đặt hệ thống thiết bị khoa học công nghệ, y tế, quan trắc môi trường, hệ thống xử lý nước thải;

- Đánh giá chứng nhận các hệ thống quản lý, chứng nhận sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, công trình phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

- Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn kỹ thuật về chất lượng, đo lường, thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, các hệ thống quản lý, công cụ quản lý chất lượng, năng suất chất lượng và các nội dung có liên quan khác;

- Bảo trì, sửa chữa, cung cấp thiết bị, chuyển giao công nghệ;

- Kinh doanh mua bán vật tư, hóa chất, chất chuẩn, thiết bị, lắp đặt thiết bị khoa học công nghệ, y tế, môi trường theo quy định của pháp luật;

- Cho thuê thiết bị đo lường, thử nghiệm.

c) Hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ của Trung tâm.

4 Nguồn nhân lực

Trung tâm Ứng dụng, Dịch vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường với đội ngũ nhân sự gồm:

- Giáo sư, Tiến sĩ có nhiều năm giảng dạy, nghiên cứu khoa học trên các lĩnh vực Hoá học, Môi trường, Sinh học, ...

- Đội ngũ cán bộ là thạc sĩ, kỹ sư có nhiều năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực bảo trì, lắp đặt, vận hành, sử dụng, kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị khoa học công nghệ, môi trường, y tế,...; Tư vấn, đào tạo hệ thống quản lý chất lượng ISO/IEC 17025; ISO 9001,...; Tư vấn dự án, tư vấn lắp đặt thiết bị phòng thí nghiệm lĩnh vực thực phẩm, môi trường, sinh học, y tế.

5 Các khách hàng đã thực hiện

TT	Tên khách hàng	Dự án/ nội dung thực hiện
1.	Công ty TNHH Kỹ thuật TVA	- Công TNHH Tân MAHANG Việt Nam, KCN VSIP Quảng Ngãi - Lấy mẫu, thử nghiệm và Báo cáo RA cho hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục
2.	Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn – Đà Nẵng	- Trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục Liên Chiểu mở rộng; - Trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục Hoà Khánh mở rộng - Kiểm định, hiệu chuẩn hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục, báo cáo RA

3.	Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị	Giám sát lắp đặt thiết bị
4.	Công ty Cổ phần Kỹ thuật SEEN	- Trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục nhà máy xử lý nước thải Hoà Xuân, TP Đà Nẵng; - Kiểm định, hiệu chuẩn hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.
5.	Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị	- Kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị phân tích phòng thí nghiệm
6.	Công ty TNHH Dệt may VTJ TOMS	- Kiểm định, hiệu chuẩn hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.
7.	Công ty Cổ phần Dệt may Huế	- Kiểm định, hiệu chuẩn hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục
8.	Nhà máy tinh Bột sắn Hường Hoá, Quảng Trị	- Kiểm định, hiệu chuẩn hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục
9.	Công ty TNHH Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất - Môi trường MECIE	- Công ty Cổ phần Giấy Sài Gòn Miền Trung, trạm quan trắc khí thải tự động, liên tục - Kiểm định, hiệu chuẩn hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục và báo cáo RA
10.	Chi cục Bảo vệ Môi trường thành phố Đà Nẵng	Kiểm định, hiệu chuẩn hệ thống quan trắc nước tự động, liên tục tại Cầu Đò
11.	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Môi trường Việt An	Kiểm định, hiệu chuẩn hệ thống quan trắc nước, khí thải tự động, liên tục và báo cáo RA tại các dự án: - Nhà máy Xi măng Long Thọ; - Công ty TNHH gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh; - Nhà máy Xi măng miền Trung tại Đà Nẵng; - Công Ty Cổ Phần Acecook Việt Nam - Chi Nhánh Đà Nẵng; - Công ty Cổ phần Đô thị FPT Đà Nẵng; - Nhà máy Nhiệt điện Nông Sơn, Quảng Nam;
12.	Công ty TNHH Tư vấn, Thiết bị và Công nghệ LEY	Kiểm định, hiệu chuẩn hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục và báo cáo RA tại dự án Nhà máy Xi măng IDICO Quảng Ngãi
13.	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Nam	- Kiểm định, hiệu chuẩn hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục và báo cáo RA
14.	Công ty TNHH Vàng Phước Sơn	Kiểm định, hiệu chuẩn hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục và báo cáo RA
15.	Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi	Kiểm định, hiệu chuẩn hệ thống quan trắc nước, khí thải tự động, liên tục và báo cáo RA
16.	Nhà máy Sản xuất tinh bột mì Quảng Ngãi – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi	Kiểm định, hiệu chuẩn hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục và báo cáo RA

PHỤ LỤC

1. *Quyết định thành lập*

HỘI HOÁ HỌC VIỆT NAM
HỘI HOÁ HỌC
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Số: 08/QĐ-HHĐN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Trung tâm Ứng dụng, Dịch vụ
Khoa học Công nghệ và Môi trường

CHỦ TỊCH HỘI HOÁ HỌC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

*Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;
Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động Hội Hoá học thành phố Đà Nẵng;
Xét đề nghị của Ban vận động thành lập Trung tâm Ứng dụng, Dịch vụ Khoa học
Công nghệ và Môi trường tại tờ trình số 01/TTr-CASTE, ngày 28/12/2020.*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Trung tâm Ứng dụng, Dịch vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường trực thuộc Hội Hoá học thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01/02/2021.

Điều 3. Ban Chấp hành Hội Hoá học thành phố Đà Nẵng, Trung tâm Ứng dụng, Dịch vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:


- Như điều 3;
- Lưu VT.

HỘI HOÁ HỌC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



TS. Nguyễn Đình Thống

2. Giấy chứng nhận hoạt động Khoa học và Công nghệ

<p style="text-align: center;">QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</p> <p>Tổ chức khoa học và công nghệ phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Xuất trình Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Nghiêm cấm sửa chữa, tẩy xóa nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ. Nghiêm cấm cho mượn, cho thuê Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ. Làm thủ tục đăng ký thay đổi, bổ sung tại cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ khi có thay đổi, bổ sung một trong các thông tin ghi trong Giấy chứng nhận. Làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định khi bị mất hoặc rách, nát. 	<p style="text-align: center;">CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</p>  <p style="text-align: center;">GIẤY CHỨNG NHẬN</p> <p style="text-align: center;">ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</p>
--	--

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Đăng ký lần đầu, ngày 19 tháng 4 năm 2021 (số đăng ký 06/2021)

Tên tổ chức khoa học và công nghệ:

**TRUNG TÂM ỨNG DỤNG, DỊCH VỤ
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Tên viết bằng tiếng nước ngoài: Center for Application and
Services of Science, Technology and Environment

Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài: CASSTE

Trụ sở chính: 96 Nguyễn Thái Bình, phường Hoà Minh, quận Liên
Chiểu, thành phố Đà Nẵng

Địa điểm hoạt động: KDC xí nghiệp gạch ngói Quảng Thăng,
phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

Tổng số vốn: 5.000.000.000 đồng

Tổ chức quyết định thành lập: Hội Hóa học thành phố Đà Nẵng

Quyết định thành lập: số 08/QĐ-HHĐN ngày 28/01/2021

Tổ chức quản lý trực tiếp: Hội Hóa học thành phố Đà Nẵng

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Đào Hùng Cường

CMND số 201220447 do Công an thành phố Đà Nẵng cấp
ngày 08/12/2007

SỐ ĐĂNG KÝ: 02 /2022

Hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ:

- Thực hiện nghiên cứu khoa học, ứng dụng sản phẩm nghiên cứu trong các lĩnh vực Hóa học, Môi trường, Sinh học, Thực phẩm, Dược phẩm.
- Sản xuất thử nghiệm; sản xuất, kinh doanh sản phẩm là kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.
- Cung cấp các dịch vụ KH&CN: Phân tích, xác định chỉ tiêu, thông số hóa học, sinh học, môi trường; Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, kiểm tra đánh giá phương tiện đo, hệ thống đo, báo cáo kiểm tra đánh giá độ chính xác tương đối của hệ thống quan trắc môi trường; Khảo sát, quan trắc, thử nghiệm đánh giá chất lượng vệ sinh, an toàn các sản phẩm hàng hóa, đánh giá tác động và thực trạng môi trường; Đánh giá chứng nhận các hệ thống quản lý chất lượng; sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, công trình phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; Tư vấn dự án đầu tư tăng cường trang thiết bị, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, giám sát lắp đặt hệ thống thiết bị khoa học công nghệ, y tế, quan trắc môi trường, hệ thống xử lý chất thải; Đào tạo, tư vấn, biên soạn các tài liệu kỹ thuật, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn kỹ thuật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, các hệ thống quản lý, công cụ quản lý chất lượng, năng suất chất lượng; Bảo trì, sửa chữa, cung cấp, lắp đặt thiết bị và chuyển giao công nghệ; Cho thuê hệ thống dây chuyền, thiết bị khoa học công nghệ.

- Hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ của Trung tâm./.

(Đối với những lĩnh vực hoạt động có điều kiện theo quy định của pháp luật, trước khi thực hiện phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.)

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 4 năm 2022



Dương Hoàng Văn Bản

Phụ lục

**LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH,
HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM PHƯƠNG TIỆN ĐO, CHUẨN ĐO LƯỜNG
CỦA TRUNG TÂM ỨNG DỤNG, DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 3195/TĐC-ĐL ngày 27 tháng 10 năm 2021
của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)*

TT	Tên phương tiện đo, chuẩn đo lường	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác	Tên dịch vụ	Ghi chú
1	Phương tiện đo độ dẫn điện	(0 ÷ 200) mS/cm	± 5 % ^(*)	Kiểm định	
			± 1 % ^(*)	Hiệu chuẩn	
2	Phương tiện đo pH	(0 ÷ 14) pH	± 0,001 pH ^(**)	Kiểm định Hiệu chuẩn	
3	Phương tiện đo oxy hòa tan	(0 ÷ 20) mg/L hoặc (0 ÷ 200) % O ₂	± 6 % ^(*)	Kiểm định	
			(0 ÷ 50) mg/L hoặc (0 ÷ 500) % O ₂	± 2 % ^(*)	
4	Phương tiện đo độ đục	(0 ÷ 4 000) NTU	± 5 % ^(*)	Kiểm định	
			± 2 % ^(*)	Hiệu chuẩn	
5	Phương tiện đo độ tổng chất rắn hòa tan	(0 ÷ 200 000) mg/L	± 5 % ^(*)	Kiểm định	
			± 1,6 % ^(*)	Hiệu chuẩn	
6	Phương tiện đo hàm lượng/nồng độ các khí				
6.1	CO	(0 ÷ 7) %V	± 2 % ^(*)	Hiệu chuẩn	

8

TT	Tên phương tiện đo, chuẩn đo lường	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác	Tên dịch vụ	Ghi chú
6.2	SO ₂	(0 ÷ 0,5) %V	± 2 % (*)	Hiệu chuẩn	
6.3	NO	(0 ÷ 0,5) %V	± 2 % (*)	Hiệu chuẩn	
6.4	NO ₂	(0 ÷ 0,5) %V	± 4 % (*)	Hiệu chuẩn	
6.5	NO _x	(0 ÷ 0,5) %V	± 2 % (*)	Hiệu chuẩn	
6.6	CO ₂	(0 ÷ 30) %V	± 2 % (*)	Hiệu chuẩn	
6.7	O ₂	(0 ÷ 30) %V	± 2 % (*)	Hiệu chuẩn	
6.8	NH ₃	(0 ÷ 0,1) %V	± 4 % (*)	Hiệu chuẩn	
6.9	HCl	(0 ÷ 0,02) %V	± 4 % (*)	Hiệu chuẩn	
6.10	H ₂ S	(0 ÷ 0,1) %V	± 2 % (*)	Hiệu chuẩn	
6.11	Khí cháy (% CH ₄)	(0 ÷ 3,6) %V	± 2 % (*)	Hiệu chuẩn	
6.12	O ₃	(0 ÷ 2·10 ⁻⁴) %V	± 5 % (*)	Hiệu chuẩn	
6.13	H ₂	(0 ÷ 2) %V	± 2 % (*)	Hiệu chuẩn	
7	Phương tiện đo hàm lượng/nồng độ các khí trong không khí				
7.1	CO	đến 100·10 ⁻⁴ %V	± 5 % (*)	Kiểm định	
7.2	SO ₂	đến 10·10 ⁻⁴ %V	± 5 % (*)	Kiểm định	

8

TT	Tên phương tiện đo, chuẩn đo lường	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác	Tên dịch vụ	Ghi chú
7.3	NO	đến $10 \cdot 10^{-4} \%V$	$\pm 5 \%^{(*)}$	Kiểm định	
7.4	NO ₂	đến $10 \cdot 10^{-4} \%V$	$\pm 5 \%^{(*)}$	Kiểm định	
7.5	NO _x	đến $10 \cdot 10^{-4} \%V$	$\pm 5 \%^{(*)}$	Kiểm định	
7.6	O ₃	đến $6 \cdot 10^{-4} \%V$	$\pm 5 \%^{(*)}$	Kiểm định	
7.7	NH ₃	đến $10 \cdot 10^{-4} \%V$	$\pm 5 \%^{(*)}$	Kiểm định	
7.8	THC (tính theo CH ₄)	đến $100 \cdot 10^{-4} \%V$	$\pm 5 \%^{(*)}$	Kiểm định	
7.9	H ₂ S	đến $10 \cdot 10^{-4} \%V$	$\pm 5 \%^{(*)}$	Kiểm định	
8	Phương tiện đo hàm lượng/nồng độ các khí trong khí thải				
8.1	CO	$(0 \div 7) \%V$	$\pm 5 \%^{(*)}$	Kiểm định	
8.2	SO ₂	$(0 \div 0,5) \%V$	$\pm 5 \%^{(*)}$	Kiểm định	
8.3	NO	$(0 \div 0,5) \%V$	$\pm 5 \%^{(*)}$	Kiểm định	
8.4	NO ₂	$(0 \div 0,5) \%V$	$\pm 5 \%^{(*)}$	Kiểm định	
8.5	NO _x	$(0 \div 0,5) \%V$	$\pm 5 \%^{(*)}$	Kiểm định	
8.6	CO ₂	$(0 \div 30) \%V$	$\pm 5 \%^{(*)}$	Kiểm định	
8.7	O ₂	$(0 \div 30) \%V$	$\pm 5 \%^{(*)}$	Kiểm định	




TT	Tên phương tiện đo, chuẩn đo lường	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác	Tên dịch vụ	Ghi chú
8.8	NH ₃	(0 ÷ 0,1) %V	± 5 % ^(*)	Kiểm định	
8.9	HCl	(0 ÷ 0,02) %V	± 5 % ^(*)	Kiểm định	
8.10	H ₂ S	(0 ÷ 0,1) %V	± 5 % ^(*)	Kiểm định	
9	Quang kế ngọn lửa	Na, Ka, Ca, Ba, Li: (0 ÷ 1 000) mg/L	± 1 % ^(*)	Hiệu chuẩn	
10	Hệ thống quang phổ hấp thụ nguyên tử	xác định hàm lượng các kim loại As, Hg, Fe, Pb, Cd, Cu, Zn, Al, Mg, Cr: (0 ÷ 1 000) mg/L	± 1 % ^(*)	Hiệu chuẩn	
11	Phương tiện đo thế oxy hoá khử (ORP)	(0 ÷ 600) mV	± 2 % ^(*)	Hiệu chuẩn	
12	Phương tiện đo nhu cầu oxy hoá học (COD)	(0 ÷ 1 000) mg/L	± 5 % ^(*)	Kiểm định	
			± 1,6 % ^(*)	Hiệu chuẩn	
13	Phương tiện đo hàm lượng amoni trong nước	(0 ÷ 1 000) mg/L	± 5 % ^(*)	Kiểm định	
			± 1 % ^(*)	Hiệu chuẩn	
14	Phương tiện đo tổng chất rắn lơ lửng (TSS) trong nước	(0 ÷ 10 000) mg/L	± 5 % ^(*)	Kiểm định	
			± 2 % ^(*)	Hiệu chuẩn	
15	Phương tiện đo hàm lượng dầu trong nước	(0 ÷ 1 000) mg/L	± 5 % ^(*)	Kiểm định	
			± 1,6 % ^(*)	Hiệu chuẩn	

8

TT	Tên phương tiện đo, chuẩn đo lường	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác	Tên dịch vụ	Ghi chú
16	Phương tiện đo nhu cầu oxy sinh hoá	(0 ÷ 1 000) mg/L	± 5 % ^(*)	Kiểm định	
			± 2 % ^(*)	Hiệu chuẩn	
17	Phương tiện đo hàm lượng clo dư	(0 ÷ 100) mg/L	± 5 % ^(*)	Kiểm định	
			± 2 % ^(*)	Hiệu chuẩn	
18	Phương tiện đo độ màu trong nước	(0 ÷ 625) Pt/Co	± 3 % ^(*)	Kiểm định	
			± 1 % ^(*)	Hiệu chuẩn	
19	Phương tiện đo hàm lượng nitrat	(0 ÷ 1 000) mg/L	± 5 % ^(*)	Kiểm định	
			± 2 % ^(*)	Hiệu chuẩn	
20	Phương tiện đo hàm lượng nitơ tổng	(0 ÷ 1 000) mg/L	± 3 % ^(*)	Kiểm định	
			± 2 % ^(*)	Hiệu chuẩn	
21	Phương tiện đo hàm lượng phospho tổng	(0 ÷ 1 000) mg/L	± 3 % ^(*)	Kiểm định	
			± 1 % ^(*)	Hiệu chuẩn	
22	Phương tiện đo hàm lượng phosphat	(0 ÷ 1 000) mg/L	± 3 % ^(*)	Kiểm định	
			± 1 % ^(*)	Hiệu chuẩn	
23	Phương tiện đo hàm lượng tổng carbon hữu cơ (TOC)	(0 ÷ 1 000) mg/L	± 5 % ^(*)	Kiểm định	
			± 2 % ^(*)	Hiệu chuẩn	

8

TT	Tên phương tiện đo, chuẩn đo lường	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác	Tên dịch vụ	Ghi chú
24	Phương tiện đo hàm lượng phenol	(0 ÷ 1 000) mg/L	± 5 % ^(*)	Kiểm định	
			± 1,6 % ^(*)	Hiệu chuẩn	
25	Phương tiện đo hàm lượng xyanua	(0 ÷ 1 000) mg/L	± 3 % ^(*)	Kiểm định	
			± 1,5 % ^(*)	Hiệu chuẩn	
26	Phương tiện đo độ mặn	(0 ÷ 20) %	± 3 % ^(*)	Kiểm định	
			± 1 % ^(*)	Hiệu chuẩn	
27	Phương tiện đo độ cứng của nước	(0 ÷ 1 000) mg/L	± 1 % ^(*)	Hiệu chuẩn	
28	Phương tiện đo hàm lượng H ₂ S trong nước	(0 ÷ 1 000) mg/L	± 1 % ^(*)	Hiệu chuẩn	
29	Hệ thống quan trắc bụi, lưu lượng khí thải tự động, liên tục	vận tốc: đến 50 m/s	± 2 % ^(*)	Hiệu chuẩn	
		lưu lượng: đến 3·10 ⁶ m ³ /h			
		bụi: (0 ÷ 9 999) mg/m ³	± 5 % ^(*)	Kiểm định	
30	Phương tiện đo hàm lượng anion và cation	(0 ÷ 1 000) mg/L	± 3 % ^(*)	Kiểm định	
			± 1,6 % ^(*)	Hiệu chuẩn	
31	Phương tiện đo tốc độ vòng quay	(0 ÷ 100 000) rpm	± 0,01 % ^(*)	Hiệu chuẩn	

8

TT	Tên phương tiện đo, chuẩn đo lường	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác	Tên dịch vụ	Ghi chú
32	Phương tiện đo tốc độ quay của động cơ	$(0 \div 100\,000)$ rpm	$\pm 0,01\%$ (*)	Hiệu chuẩn	
33	Đồng hồ bấm giây	$(0 \div 10)$ h	$\pm 10^{-6}$ s ($\pm 0,1$ s/d) (*)	Hiệu chuẩn	
34	Phương tiện đo quang phổ tử ngoại khả kiến	$(190 \div 1\,100)$ nm	$\pm 0,11$ nm (*)	Hiệu chuẩn	
		$(-3 \div 3)$ Abs	$\pm 0,004$ Abs (*)		
35	Nhiệt kế chỉ thị hiện số và tương tự	$(-40 \div 650)$ °C	đến 0,3 °C	Hiệu chuẩn	
36	Tủ nhiệt	$(-40 \div 360)$ °C	đến 0,15 °C	Hiệu chuẩn	
37	Thiết bị phá mẫu	đến 360 °C	đến 0,15 °C	Hiệu chuẩn	
38	Lò nung	đến 1 200 °C	đến 1,5 °C	Hiệu chuẩn	
39	Thiết bị ổn nhiệt	$(-40 \div 360)$ °C	đến 0,15 °C	Hiệu chuẩn	
40	Nồi hấp	nhiệt độ: $(25 \div 140)$ °C	đến 0,2 °C	Hiệu chuẩn	
		áp suất: $(0 \div 5)$ bar	đến 0,02 bar		
41	Cân phân tích	đến 2 kg	1	Hiệu chuẩn	
42	Cân kỹ thuật	đến 5 kg	2	Hiệu chuẩn	
43	Phương tiện đo lưu lượng khí	đến 1 000 L/min	đến 1 %	Hiệu chuẩn	
44	Phương tiện đo lưu lượng nước	đến 1 250 m ³ /h	đến 2 %	Hiệu chuẩn	

8

TT	Tên phương tiện đo, chuẩn đo lường	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác	Tên dịch vụ	Ghi chú
45	Thiết bị đo mức	đến 30 m	đến 4 mm	Hiệu chuẩn	
46	Dụng cụ dung tích thí nghiệm thủy tĩnh	đến 3 000 mL	A, B	Hiệu chuẩn	
47	Dụng cụ dung tích hoạt động theo cơ cấu piston	đến 50 mL	A, B	Hiệu chuẩn	
48	Thiết bị chuyển đổi áp suất	(-14 ÷ 15) psi	đến 0,2 %	Hiệu chuẩn	

(*): Sai số lớn nhất cho phép.

(**): Giá trị độ chia.

8